

BIỂU PHÍ

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH

Điều trị nội trú/ngoại trú và di chuyển cấp cứu	GÓI I	GÓI II	GÓI III	GÓI IV	GÓI V
Số tiền bảo hiểm (STBH) tối đa lựa chọn	Từ VNĐ 20,000,000 tới VNĐ 10,850,000,000				
Phạm vi lãnh thổ	Việt Nam	Các nước châu Á ngoại trừ Nhật Bản và Hồng Kông	Các nước châu Á	Toàn cầu, ngoại trừ Mỹ và Canada	Toàn cầu
Chi phí giường phòng hàng ngày	bao gồm trong chi phí nằm viện tổng hợp				
Chăm sóc đặc biệt	Toàn bộ chi phí				
Chi phí nằm viện tổng hợp	Toàn bộ chi phí				
Chi phí cho các liệu pháp vật lý trị liệu	2% STBH tối đa (tối thiểu VNĐ 5,000,000)				
Điều trị trước khi nhập viện	5% STBH tối đa (tối thiểu VNĐ 1,500,000)				
Điều trị sau khi nhập viện và chăm sóc tại nhà	5% STBH tối đa (tối thiểu VNĐ 1,500,000)				
Chi phí phẫu thuật	Toàn bộ chi phí				
Phẫu thuật cấy ghép bộ phận cơ thể. Theo STBH suốt đời	50% STBH tối đa				
Điều trị cấp cứu	Toàn bộ chi phí				
Điều trị nha khoa cấp cứu do tai nạn	Toàn bộ chi phí				
Điều trị thai sản cấp cứu do tai nạn	Toàn bộ chi phí				
Lưu chuyển và hồi hương y tế cấp cứu	Toàn bộ chi phí				
Điều trị rối loạn tâm thần cấp tính	10% STBH tối đa, không vượt quá VNĐ 105 triệu/năm				
Chi phí mai táng	1% STBH tối đa (tối thiểu VNĐ 500,000)				
Chi phí hồi hương thi hài	Toàn bộ chi phí				
Trợ cấp nằm viện theo đêm	0.15% STBH tối đa (tối thiểu VNĐ 20,000)				
Hạn mức phụ đối với bệnh đặc biệt	Tới STBH tối đa/năm				
Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau hay bệnh tật	Tới STBH tối đa/năm				
Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn	Theo bảng tỷ lệ thương tật trong quy tắc				
TỈ LỆ PHÍ NĂM (TÍNH TRÊN STBH TỐI ĐA)					
SI from VNĐ 20,000,000 to VNĐ 1,000,000,000	1.4% - 2.6%	1.68% - 3.12%	1.89% - 3.51%	1.96% - 3.64%	2.1% - 3.9%
SI from VNĐ 1,000,000,000 to VNĐ 10,850,000,000	0.7% - 1.3%	0.84% - 1.56%	0.945% - 1.755%	0.98% - 1.82%	1.05 - 1.95%

II. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TỰY CHON

1. CHĂM SÓC NHA KHOA

- Phạm vi lãnh thổ: Việt Nam
- Tổng số tiền bảo hiểm: Từ VNĐ 5,000,000 và không vượt quá VNĐ 3,255,000,000/ người/ thời hạn bảo hiểm
- Tỷ lệ phí năm: Từ 1.4% ~

2. CHĂM SÓC THAI SẢN

GÓI	M1	M2	M3	M4
STBH tối đa lựa chọn	Từ VNĐ 10,000,000 và không vượt quá VNĐ 500,000,000			
Phạm vi lãnh thổ	Việt Nam	Các nước châu Á ngoại trừ Nhật Bản và Hồng Kông	Toàn cầu, ngoại trừ Mỹ và Canada	Toàn cầu
a) Biến chứng thai sản và sinh sản	Toàn bộ chi phí tới STBH tối đa			
b) Mang thai và sinh đẻ bình thường (bao gồm khám thai định kỳ)				
Chăm sóc sơ sinh	3% STBH tối đa			
Tỷ lệ phí năm	5.6% - 10.4% trên STBH tối đa	7% - 13% trên STBH tối đa	8.4% -15.6% trên STBH tối đa	10.5% - 19.5% trên STBH tối đa

LƯU Ý QUAN TRỌNG:

Biểu phí bảo hiểm trên chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi dựa trên:

- Thông tin bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn ở bản kê khai, số lượng người được bảo hiểm, hiệu suất tổn thất) do người tham gia bảo hiểm cung cấp.
- Phạm vi bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền lợi, điều khoản mở rộng, điều khoản loại trừ, giới hạn trách nhiệm, điều kiện áp dụng đặc biệt, v.v.) sau khi thảo luận và thỏa thuận với Công ty TNHH Bảo hiểm MSIG (Việt Nam).

Để có báo giá chính xác, vui lòng liên hệ Công ty TNHH Bảo hiểm MSIG (Việt Nam).